

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2018/ HS-ST
Ngày 09/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phiếu .
2. Ông Tạ Khắc Nghĩa .

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nho Quan .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/ TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo đối với bị cáo:

Trịnh Văn Đ, sinh năm 1992 tại tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: khu T, tổ 1, phường T C, thành phố P L, tỉnh HN; nghề nghiệp: Lái xe ; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Trịnh Văn S và bà Dương Thị H; có vợ và 1 con chưa có con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Bắt tạm giam*” từ ngày 09/10/2017 đến ngày 20/12/2017 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp “*Bảo lãnh*”. Có mặt.

- Bị hại: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1968 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp người bị hại (bà T) : Ông Nguyễn Văn L (là chồng bà Th), sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn ĐT, xã X, huyện N, tỉnh NB .

- Người tham gia tố tụng khác:

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Lê Đức L , sinh năm 1959. Nơi cư trú: Thôn Đ, phường TC, thành phố P, tỉnh H .

** Người Làm chứng:*

+ Ông Dương Văn N, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Thôn ĐH, xã X, huyện N, tỉnh NB.

+ Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1960. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh NB.

+ Anh Dương Văn P sinh năm 1983. Nơi cư trú : Thôn ĐH, xã X, huyện N, tỉnh NB.

+ Bà Bùi Thị Ngọc N, sinh năm 1970. Nơi cư trú : SN 807, Nguyễn Tam T, phường Y, quận HM, thành phố HN.

+ Anh Trịnh Văn B, sinh năm 1988. Nơi cư trú: khu T, tổ 1, phường TC, thành phố PLý, tỉnh HN.

+ Ông Đinh Văn L, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn T H, xã G V, huyện G, tỉnh NB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn Đ là người có giấy phép lái xe ô tô hạng C theo quy định của pháp luật. Ngày 03/09/2017 đã bị Công an huyện Nho Quan ra Quyết định tước giấy phép lái xe trong thời hạn 02 tháng. Khoảng 14giờ ngày 11/09/2017, Trịnh Văn Đ điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 90C-013.61 đi trên đường 479 hướng từ huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình về xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Khi đi đến km 8+400 đường 479 thuộc địa phận thôn Đại Hòa, xã Xích Thổ, huyện Nho Quan lúc này phía trước cùng chiều cách khoảng 20 mét đang có xe mô tô biển kiểm soát 35N3-7128 do bà Bùi Thị T sinh năm 1968 ở thôn Đức Thành, xã Xích Thổ, huyện Nho Quan điều khiển đang bật đèn xinhan và chuyển hướng rẽ sang bên trái đường nhưng Trịnh Văn Đ vẫn điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 90C-013.61 chuyển hướng sang trái để vượt xe mô tô do bà T điều khiển. Trong quá trình vượt thì mặt ngoài chắn bùn bánh trước bên phải xe ô tô tải biển kiểm soát 90C-013.61 đã va vào mô tô biển kiểm soát 35N3-7128 và người của bà T làm bà T bị cuốn vào bánh xe trước thuộc hệ thống bánh sau của xe ô tô tải biển kiểm soát 90C-013.61 nghiêng lên người làm bà Bùi Thị T bị tử vong tại chỗ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã khám nghiệm khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi bà Bùi Thị T, khám phương tiện xe ô tô tải biển kiểm soát 90C-013.61 của Trịnh Văn Đ và 01 xe mô tô biển kiểm soát 35N3-7128 của bà Bùi Thị T

Tại Bản kết luận giám định pháp Y về tử thi số: 48 ngày 23/09/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận đối với tử thi Bùi Thị T: Nguyên nhân chết “Đa chấn thương”.

Quá trình điều tra vụ án, Trịnh Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại với gia đình bị hại Bùi Thị T số tiền 130.000.000 đồng. Đến nay, ông Nguyễn Văn L (chồng bà T) là đại diện hợp pháp theo ủy quyền của gia đình bị hại không yêu cầu Trịnh Văn Đ phải bồi thường thêm khoản nào khác.

Tại Bản cáo trạng số 09/QĐ-VKSNQ-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan đã truy tố: Trịnh Văn Đ ra trước Toà án nhân dân huyện Nho Quan để xét xử về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”. Áp dụng điểm a, khoản 2 và khoản 5, Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Văn Đ phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”. Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Đ từ 27 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng, tính từ ngày tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nho Quan, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.*

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Nho Quan đã nghiên cứu hồ sơ ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho bị cáo và những người tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan truy tố: Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Văn Đ khai: Trịnh Văn Đ là người có giấy phép lái xe ô tô hạng C theo quy định của pháp luật. Đ Đang trong thời hạn bị tước Giấy phép lái xe, khoảng 14 giờ ngày 11/09/2017, Trịnh Văn Đ điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 90C-013.61 đi trên đường 479 hướng từ huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình về xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Khi đi đến địa phận thôn Đại Hòa, xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, lúc này phía trước cùng chiều cách khoảng 20 mét đang có xe mô tô biển kiểm soát 35N3-7128 do bà Bùi Thị T điều khiển đang bật đèn xi-nhan và chuyển hướng rẽ sang bên trái đường nhưng Trịnh Văn Đ vẫn điều khiển xe ô tô tải chuyển hướng sang trái để vượt xe mô tô do bà T điều khiển. Trong quá trình vượt thì mặt ngoài chắn bùn bánh trước bên phải xe do Định điều khiển đã va vào mô tô và người của bà T làm bà T bị cuốn vào bánh xe trước thuộc hệ thống bánh sau của xe ô tô tải biển kiểm soát 90C-013.61, nghiêng lên người làm bà Bùi Thị T bị tử vong tại chỗ.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử: Lời khai của bị cáo Trịnh Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với Cáo trạng, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án. Như vậy,

có đủ cơ sở kết luận: Trịnh Văn Đ là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Đ điều khiển xe ô tô vượt xe đi phía trước cùng chiều trong khi xe đi phía trước bật xi-nhan xin đường và đang chuyển hướng rẽ sang bên trái đường đã vi phạm khoản 2 và điểm a khoản 5 điều 14 Luật giao thông đường bộ, gây hậu quả nghiêm trọng làm bà Bùi Thị T bị tử vong. Hành vi của Trịnh Văn Đ đã phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”. Bị cáo Đ đang trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền tước Giấy phép lái xe nên đã phạm tội thuộc trường hợp “*Không có giấy phép hoặc bằng lái xe theo quy định*”, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bản cáo trạng đã viện dẫn quy định pháp luật để truy tố Đ là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Văn Đ, là lái xe ô tô chuyên nghiệp được đào tạo và được cấp Giấy phép lái ô tô hạng C, đang trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền tước Giấy phép lái xe nhưng Đ không tuân thủ đúng quy định của Luật giao thông đường bộ, vẫn điều khiển xe ô tô. Định không chú ý quan sát nên điều khiển xe ô tô tẩu vượt xe đi phía trước cùng chiều trong khi xe đi phía trước đã có tín hiệu rẽ trái, vượt xe không đảm bảo an toàn gây ra hậu quả nghiêm trọng. Như vậy, Trịnh Văn Đ đã có lỗi trong việc điều khiển phương tiện gây ra hậu quả làm bà T tử vong. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải quyết định một mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt vì đã tích cực bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình người bị hại theo yêu cầu; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 là phù hợp. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt và nơi cư trú ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần để bị cáo cải tạo tại địa phương, tạo điều kiện cho bị cáo suy ngẫm, tự sửa chữa lỗi lầm là phù hợp.

Hội đồng xét xử thấy cần phải cấm bị cáo Trịnh Văn Đ hành nghề lái xe ô tô trong thời gian một năm theo quy định tại khoản 5 Điều 202 của Bộ luật hình sự 1999.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn Đ đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại với gia đình bị hại Bùi Thị T số tiền 130.000.000 đồng. Đến nay ông Nguyễn Văn L là đại diện hợp pháp theo ủy quyền của gia đình bị hại không yêu cầu Trịnh Văn Đ phải bồi thường thêm khoản nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 xe ô tô tẩu biển kiểm soát 90C-013.61 thu của Trịnh Văn Đ đã xác định là tài sản hợp pháp của ông Lê Đức L ở thôn Đ, phường T C, thành phố P, tỉnh HN. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Lê Đức L là đúng pháp luật.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 35N3-7128 thu của bà Bùi Thị T đã xác định là tài sản hợp pháp của gia đình bà Thủy. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Văn L (chồng bà T) là đại diện hợp pháp theo ủy quyền của gia đình bị hại là đúng pháp luật. Sau khi nhận lại tài sản, ông L xác định Trịnh Văn Đ đã bồi thường số tiền bị hư hỏng xe mô tô nằm trong tổng số tiền 130.000.000 đồng nên không yêu cầu Định phải bồi thường thêm khoản nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm a, khoản 2 và khoản 5, Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Căn cứ vào: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Trịnh Văn Đ phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.**

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Đ 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Giao bị cáo Trịnh Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường TC, thành phố PL, tỉnh HN giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Trịnh Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã phường T C, thành phố P L, tỉnh H N trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Cấm bị cáo Trịnh Văn Đ hành nghề lái xe ô tô trong thời gian 01(một) năm kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2 . Về án phí: Buộc bị cáo Trịnh Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm .

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của người bị hại, vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- VKSND h NQ ;
- Công an h NQ ;
- THADS h NQ ;
- Sở tư pháp NB ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Đức Hiệp